

Số: 08 /QĐ-MNKĐ

Quận 8, ngày 03 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách năm 2023
của trường Mầm non Kim Đồng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON KIM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 9791/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 8 Về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chấp hành chi ngân sách năm 2023 của trường Mầm non Kim Đồng (theo mẫu biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các cán bộ công chức viên chức thuộc trường Mầm non Kim Đồng và cá nhân có tên nơi điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nơi điều 3
- Kho bạc Nhà nước Quận 8
- Phòng TCKH Quận 8
- Lưu :VT, ...

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Trinh

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHẤP HÀNH NGUỒN NSNN NĂM 2023

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
I	Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác		
1	Số thu phí, lệ phí, thu khác		
2	Chi từ nguồn thu phí, thu khác được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.151.975.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên từ ngân sách		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên từ ngân sách	7.151.975.000	
	NGUỒN 12		
Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân		4.229.213.000	
	Mục 6000:	1.481.716.000	
6001	Lương theo ngạch bậc	1.481.716.000	
6049	Lương khác	-	
	Mục 6050:	172.800.000	
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	172.800.000	
6099	Tiền công khác	-	
	Mục 6100:	1.432.454.000	
6101	Phụ cấp chức vụ	35.760.000	
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	311.606.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	499.312.000	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	-	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	200.301.000	
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	385.475.000	
	Mục 6150:	42.300.000	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	27.900.000	
6199	Các khoản hỗ trợ khác	14.400.000	
	Mục 6200:	-	
6201	Thưởng thường xuyên	-	
	Mục 6300:	348.203.000	
6301	Bảo hiểm xã hội	259.300.000	

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
6302	Bảo hiểm y tế	44.451.000	
6303	Kinh phí công đoàn	29.634.000	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	14.818.000	
	Mục 6400:	751.740.000	
6401	Tiền ăn	-	
6404	Chi chênh lệch TNNT so với lương ngạch bậc, chức vụ	375.870.000	
6406	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	375.870.000	
	Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hóa, dịch vụ	435.003.000,00	
	Mục 6500:	120.000.000	
6501	Thanh toán tiền điện	66.000.000	
6502	Thanh toán tiền nước	54.000.000	
6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	-	
6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	-	
	Mục 6550:	20.000.000	
6551	Văn phòng phẩm	10.000.000	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	-	
6599	Vật tư văn phòng khác	10.000.000	
	Mục 6600:	10.000.000	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	6.000.000	
6618	Khoản điện thoại	4.000.000	
	Mục 6650:	-	
6699	Chi phí khác	-	
	Mục 6700:	12.500.000	
6704	Khoản công tác phí	12.500.000	
	Mục 6750:	222.835.000	
6757	Thuê lao động trong nước	213.235.000	
6799	Chi phí thuê mướn khác	9.600.000	
	Mục 6900:	20.820.000	
6907	Nhà cửa	-	
6912	Các thiết bị tin học	-	
6949	Các TS và công trình cơ sở hạ tầng khác	20.820.000	
	Mục 7000:	28.848.000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	-	
7003	Chi mua in ấn, photo tài liệu chỉ dùng cho chuyên môn ngành	-	
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành	-	
7012	Chi thanh toán HĐ thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	-	
7049	Chi khác	28.848.000	
	Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác	392.000.000	
	Mục 7750:	392.000.000	
7757	Phần mềm kế toán, bản trù, chữ ký số...	5.000.000	
7761	Chi tiếp khách	-	
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo CD quy định	13.500.000	
7766	Cấp bù học phí cho các cơ sở GD đào tạo theo chế độ	373.500.000	
7799	Chi các khoản khác	-	
	Mục 7950:	-	

